TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST Ngày: 06/6/2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Huy Sơn

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Khánh Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Châu D, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm D, phường T, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Danh V, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/01/2024, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Châu D trình bày:

Bà và ông Danh V được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn vào ngày 23/4/2019 tại Ủy ban nhân dân xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng bà sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau bà và ông V phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Danh V.

Về con chung: Bà và ông Danh V có một con chung tên Danh K, sinh ngày 27/5/2019, hiện nay cháu K đang sống với bà, bà yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng: không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn ông Danh V đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không trình bày ý kiến gửi đến Toà án, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Châu D vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Danh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Danh V và bà Châu D là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, ông bà tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MB, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa ông V và bà D, theo bà D cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn cải nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng được nữa nên nhất định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Danh V; Còn ông V đã được Tòa án mời lên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn nhưng không đến tham gia hòa giải, cũng như tham gia phiên tòa. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của ông V và bà D đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình trạng mâu thuẫn giữa ông V và bà D là trầm trọng không thể khắc phục. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, cho bà D được ly hôn với ông V.

[3] Về con chung: Ông Danh V và bà Châu D có một con chung là cháu Danh K, sinh ngày 27/5/2019, theo bà D trình bày thì hiện nay cháu K đang sống chung với bà, bà D có nguyện vọng nuôi con, ông V không thể hiện yêu cầu nuôi con hay phản đối bà D nuôi con. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".* Giữa ông V và bà D không thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc giao con chung nên Hội đồng xét xử cần xem xét, hiện nay cháu K vẫn chưa đủ 07 tuổi, cháu K đang sống chung với mẹ là bà D, để không làm xáo trộn môi trường sống của cháu K và không làm ảnh hướng đến tâm lý của cháu K nên cần tiếp tục giao cháu K cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho ông V không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Châu D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002577 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Ông Danh V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Châu D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Châu D được ly hôn với ông Danh V.

2/ Về con chung: Giao cháu Danh K, sinh ngày 27/5/2019 cho bà Châu D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Ông Danh V có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí sơ thẩm: Bà Châu D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002577 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Ông Danh V không phải chịu án phí.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã MB, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký và đóng dấu

Đặng Thị Vàng